TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 17/4/2019
"V/v kiện xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Bà Hoàng Thị Thanh Nhàn
Các hội thẩm nhân dân:
1. Bà: Nguyễn Thị Vòng
2. Ông: Nguyễn Văn Phương

- Thư ký phiên toà: Ông Dương Đức Hải – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới tham gia phiên toà: Bà Võ Thị Hoàng Mai - Kiểm sát viên

Trong ngày 17/4/2019 tại Hội trường Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2019/TLST-HNGĐ ngày 10/01/2019 về kiện xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2019/QĐST-HNGĐ ngày 13/3/2019 và Quyết định hoãn phiên toà số 09/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26/3/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Lệ T1, sinh năm 1988. ĐKNKTT: TDP11, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Bùi T, sinh năm 1988. ĐKNKTT: Tổ 2, TDP11, phường Đ, TP Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt lần thứ hai

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 01/01/2019, được bổ sung tại bản tự khai, đơn trình bày, nguyên đơn chị Võ Lệ T1 trình bày:

- Về tình cảm: Chị Võ Lệ T1 và anh Bùi T kết hôn với nhau hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện B, tỉnh Quảng Bình vào ngày 29/7/2010. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là trong cuộc sống chung vợ chồng không có sự sẽ chia, chồng vô tâm không chăm lo đến cuộc sống gia đình. Tình trạng này đã kéo dài nên không còn khả năng khắc phục. Năm 2018, chị đã nộp đơn đến tòa án yêu cầu giải quyết việc ly hôn nhưng vì muốn tìm cách khắc phục để xây dựng cuộc sống gia

đình, mặc dù đã liên tục liên lạc, bàn bạc với anh Bùi T nhưng anh T bỏ mặc cuộc hôn nhân, không quan tâm, anh chỉ trả lời với chị là thích làm gì thì làm sau đó cắt đứt liên lạc với chị bằng cách đổi số điện thoại. Từ đó đến nay anh không có trách nhiệm gì với cuộc sống của mẹ con chị. Trong cuộc sống hôn nhân, anh T có những khoản nợ riêng nhưng chị vẫn cùng chồng gánh vác để trả nợ cùng anh, tuy nhiên đến nay anh T bỏ mặc, trốn tránh trách nhiệm và nhiều lần, nhiều người đến tiếp tục yêu cầu chị trả nợ cho anh T nhưng chị thực sự không còn khả năng do còn nuôi con nhỏ. Chị vẫn biết trước đây bố mẹ chồng cũng đã nhiều lần trả nợ thay cho anh T. Đến nay xác định tình trạng hôn nhân của anh chị đến mức quá trầm trọng không thể khắc phục được nữa, tình cảm vợ chồng không còn. Cả hai đều không quan tâm đến việc hàn gắn lại hạnh phúc. Chị quyết định xin ly hôn để mỗi người có cơ hội tìm cuộc sống tốt hơn cho riêng mình.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Bùi Văn L, sinh ngày: 08/5/2010; Hiện đang sống cùng chị T1. Sau khi ly hôn nguyện vọng của chị xin được tiếp tục nuôi cháu L. Hiện chị đang làm việc tại Công ty may 10 có thu nhập ổn định hàng tháng, còn anh T hiện chưa có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định, nay đây mai đó nên chị chưa yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Khi nào anh có điều kiện thì chị sẽ yêu cầu sau.

Cháu Bùi Văn L có đơn trình bày nguyện vọng xin được ở với mẹ nếu ba mẹ cháu ly hôn.

- Về tài sản chung: Chị T1 khai vợ chồng không có tài sản chung và chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã ra thông báo thụ lý vụ án và gửi cho anh Bùi T kèm theo giấy triệu tập đến tòa án nhưng anh T không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện. Tòa án đã gửi giấy triệu tập hợp lệ cho anh T nhưng không có ý kiến gì phản hồi do đó Tòa án tiến hành niêm yết giấy triệu tập và Thông báo về phiên hòa giải theo quy định, cũng như liên hệ với gia đình để giao giấy tờ tố tụng đề nghị giao lại cho anh T nhưng anh T vẫn không đến Tòa án.

Qua xác minh tại gia đình vào ngày 28/02/2019 thì bà Võ Thị M – mẹ của anh T cho biết anh Bùi T hiện nay đang đi làm ăn, có liên lạc với gia đình, bản thân bà không dùng điện thoại nên T không liên hệ với bà mà chỉ liên hệ với anh trai của T là Bùi Châu Th. Mọi giấy tờ của Tòa án gửi cho anh T, bà nhận và có trách nhiệm thông báo cho con trai bà là Bùi T về việc Tòa án giải quyết việc ly hôn của vợ chồng T1, T. Ngoài ra, bà còn đề nghị vợ chồng T1, T có trách nhiệm trả nợ khoản vay ngân hàng Sacombank rồi mới giải quyết ly hôn, còn về tình cảm của T1, T bà không can thiệp. Ngày 18/3/2019, bà Võ Thị M đến nộp Tờ trình cùng với hai Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần (có biên bản giao nhận trực tiếp) với nội dung yêu cầu Võ Lệ T1 trả nợ

ngân hàng cho bà rồi mới giải quyết ly hôn. Ngày 19/3/2019, bà viết đơn trình bày với nội dung bà đã liên lạc và thông báo với con trai của bà và anh T đã biết rõ vụ việc ly hôn nhưng do hoàn cảnh công việc không thể đến tòa án theo giấy triệu tập nên đề nghị giải quyết theo pháp luật. Ngày 27/3/2019 Tòa án tiến hành xác minh lại các thông tin liên quan, bà Võ Thị M trình bày: Việc vay Ngân hàng Sacombank thì bà và gia đình tự giải quyết, liên hệ người bán đất để giải quyết món vay, bà không yêu cầu vợ chồng T1, T trả nợ khoản vay đó nữa vì trong hợp đồng không có tên T1, T ký trong hợp đồng. Bà M cũng đề nghị không đưa bà vào tham gia tố tụng trong cùng vụ án này.

Đại diện Viện kiểm sát đã phát biểu ý kiến: việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, HTND đã được thực hiện theo đúng quy định của BLTTDS. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền lợi và nghĩa vụ của mình. Căn cứ vào quá trình giải quyết vụ án, tranh tụng tại phiên toà, đại diện VKS đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật HN&GĐ; Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Võ Lệ T1 được ly hôn với anh Bùi T. Chị T1 được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con, anh T chưa phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Võ Lệ T1 có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; là nơi bị đơn anh Bùi T có đăng ký nhân khẩu thường trú: TDP11, phường Đ, thành phố Đ. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới. Sau khi thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã ra thông báo thụ lý vụ án và gửi cho các bên đương sự kèm theo giấy triệu tập đến Tòa án để làm bản tự khai. Tòa án tiến hành thông báo về phiên hòa giải và tiếp cận chứng cứ theo quy định. Tòa án đã tiến hành niêm yết Thông báo về phiên hòa giải và phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ tại nơi cư trú của bị đơn đồng thời tiến hành xác minh tại gia đình anh T. Nhận thấy, việc hòa giải vụ án không thể tiến hành được nên ngày 26/3/2019 Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo Quyết định xét xử số 28/2019/QĐST-HNGĐ ngày 13/3/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới nhưng bị đơn – anh T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất. Do đó, HĐXX ra Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26/3/2019 và ấn định thời gian xét xử vào ngày 17/4/2019 theo đúng quy định tại Điều 227, 233 BLTTDS. Nhưng bị đơn – anh T vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần 2 mặc dù đã được triệu tập hợp lệ; HĐXX

căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 BLTTDS, phiên tòa vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Bùi T.

Đối với yêu cầu của Võ Thị M, đề nghị Tòa án không đưa bà vào tham gia tố tụng, căn cứ vào các tài liệu thu thập trong hồ sơ vụ án, HĐXX thấy rằng việc không đưa bà M vào tham gia tố tụng theo nguyện vọng của bà là hoàn toàn phù hợp và có cơ sở, cần chấp nhận.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Lệ T1 và anh Bùi T đã xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền, nên đây là một cuộc hôn nhân hợp pháp. Đáng lẽ ra anh, chị phải biết thương yêu, quý trọng chăm sóc lẫn nhau, nhằm xây dựng một gia đình hạnh phúc. Nhưng anh chị đã không làm được điều đó để giữ gìn hôn nhân bền vững mà lại để xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên trong cuộc sống chung vợ chồng không có sự sẻ chia, chồng vô tâm không chăm lo đến cuộc sống gia đình, thường xuyên nợ nần không có khả năng trả, nhiều lần cuộc sống gia đình bị xáo trộn liên quan đến việc vay trả nợ. Hiện nay anh chị không cùng nhau sống chung mà đã ly thân, không ai còn quan tâm gì đến nhau. Cụ thể năm 2018 chị cũng nộp đơn đến tòa án yêu cầu giải quyết sau đó quay về tìm cách khác phục, nay anh T bỏ mặc cuộc sống không liên lạc, không trách nhiệm và cũng không cần quan tâm, nên chị xin được ly hôn. Lời khai của chị cũng phù hợp với kết quả xác minh tại gia đình của anh T qua lời trình bày của bà Võ Thị M về cuộc sống chung của vợ chồng anh chị hiện không tồn tại, anh T thì đi làm ăn không về theo giấy triệu tập được (đi không cắt chuyển hộ khẩu – có xác nhận của Công an phường Đ), anh T biết rõ vụ kiện nhưng cũng không có ý gì muốn níu kéo hôn nhân mà thờ ơ để mặc, anh cũng không mong muốn được tòa án hòa giải. Điều đó thể hiện rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể khắc phục, tình cảm vợ chồng đã thực sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể sống chung hạnh phúc nên cần thiết phải cho chị T1 được ly hôn anh T là hoàn toàn phù hợp với quy định tại điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Võ Lệ T1 và anh Bùi T cùng khai có 01 con chung: Bùi Văn L, sinh ngày: 08/5/2010. Xét điều kiện của anh chị hiện nay đã sống ly thân, cháu L đang ở cùng chị, cháu đã trên 7 tuổi có đơn xin trình bày nguyện vọng được ở cùng với mẹ. Chị T1 cũng có nguyện vọng xin được tiếp tục nuôi con. HĐXX thấy yêu cầu của chị T1 là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình cần được chấp nhận. Hiện tại anh T không có nguyện vọng về con, chị T1 có đủ khả năng nuôi con và không yêu cầu anh T đóng góp tiền nuôi con nên không buộc anh T cấp dưỡng, sau này anh T có điều kiện thì chị sẽ yêu cầu bằng vụ kiện khác.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T1 khai không có tài sản chung và không có yêu cầu phân chia tài sản nên HĐXX không xem xét.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 227, 228 BLTTDS;

1. Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình tuyên xử cho chị Võ Lệ T1 được ly hôn anh Bùi T.

2. Về con chung: Áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình, xử: Giao cháu Bùi Văn L, sinh ngày: 08/5/2010 cho chị T1 trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Người không trực triếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được ngăn cản người đó thực hiện quyền này.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 BLTTDS và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án, xử: Buộc chị Võ Lệ T1 phải chịu 300.000đ án phí ly hôn. Số tiền chị phải nộp được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới theo Biên lai số AA/2017/0000911 ngày 10 tháng 01 năm 2019, chị đã nộp đủ.

Án xử công khai, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án tại chính quyền địa phương.

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Hoàng Thị Thanh Nhàn

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Quảng Bình;*
- *VKSND TP Đồng Hới;*
- *Chi cục THADS Đồng Hới;*
- *UBND xã Nam Trạch;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ;*
- *lưu án;*

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên**